

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA CÁC HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM OCOP TẠI KHU VỰC TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

TS. Vũ Quỳnh Nam*

Nghiên cứu sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas nhằm kiểm định một số yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Kết quả khảo sát 600 hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP đã chỉ ra rằng, các yếu tố: Trình độ của chủ hộ; Số năm kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh; Vốn đầu tư; Số lượng lao động hộ; Chi phí sản xuất kinh doanh; Thị trường tiêu thụ; và các chính sách hỗ trợ là các yếu tố ảnh hưởng chính đến thu nhập của các hộ. Trong đó, yếu tố thị trường có tác động lớn nhất đến thu nhập của hộ, yếu tố số lượng lao động của hộ ít tác động nhất. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giải pháp giúp tăng thu nhập cho các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc trong thời gian tới.

• Từ khóa: thu nhập hộ; sản phẩm OCOP; trung du và miền núi phía Bắc.

The study uses the Cobb-Douglas production function to examine a number of factors affecting the income of households producing and trading OCOP products in the Northern Midlands and Mountains. The survey results of 600 households producing and trading OCOP products showed that the factors: Qualification of the household head; Number of years of production and business experience; Investment capital; Number of household workers; Production and business costs; Consumption market; and support policies are the main factors affecting the income of households. Of which, the market factor has the greatest impact on household income, the factor of number of household workers has the least impact. From there, the study proposes solutions to help increase income for households producing and trading OCOP products in the Northern Midlands and Mountains in the coming time.

• Key words: household income; OCOP products; northern midlands and mountains.

Ngày gửi bài: 25/11/2024

Ngày gửi phản biện: 21/12/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 02/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 22/01/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i282.17>

1. Đặt vấn đề

Phát triển sản phẩm OCOP là chiến lược quan trọng nhằm nâng cao giá trị kinh tế của các sản phẩm đặc thù của địa phương. Ngay từ năm 2018, khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 tại Quyết định số 490/QĐ-TTg đã tạo ra bước đột phá cho việc phát triển sản phẩm OCOP tại các địa phương. Đến nay, Nhà nước cũng đã có nhiều chính sách quy định, khuyến khích, phát triển và nâng tầm giá trị của thương hiệu OCOP trên thị trường trong và ngoài nước (Quyết định 148/QĐ-TTg quy định bắt buộc đối với các hạng sao khi tham gia đánh giá phân hạng, đề cao chất lượng, giá trị thương hiệu, tính cộng đồng, nâng cao giá trị văn hóa truyền thống và thị trường hóa các sản phẩm OCOP). Từ đó làm gia tăng uy tín của sản phẩm OCOP trên thị trường.

Trung du và miền núi phía Bắc là khu vực được coi là lõi nghèo của cả nước, với tổng diện tích toàn vùng khoảng 116.898 km², chiếm 35% diện tích tự nhiên của cả nước; dân số toàn vùng 14,7 triệu người, chiếm khoảng 15,2% dân số cả nước. Đây là vùng giao thông đi lại khó khăn do địa hình đồi núi phức tạp, đồng bào dân tộc thiểu số khoảng hơn 7 triệu người, chiếm trên 56% dân số của vùng và chiếm gần 50% số người DTTS của cả nước... Song, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên: phong cảnh núi rừng, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng; nhiều sản vật đặc thù chỉ khu vực Trung du và miền núi phía Bắc mới có: hạt dẻ, chè, bưởi, cam,...

Triển khai Chương trình OCOP từ năm 2018 đến nay, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể: Toàn vùng có 2.644 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên (chiếm

* Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên; email: quynhnam@tueba.edu.vn

Lời ghi nhận: Đây là một phần sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số SHTT.TW09-2022, nhằm phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của các hộ sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc

16,82% tổng số sản phẩm OCOP cả nước); với 1.666 chủ thể tham gia, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, giá trị sản phẩm OCOP chưa thực sự cao, sản phẩm OCOP 3 sao chiếm phần lớn (chiếm 81,85% tổng sản phẩm OCOP của toàn vùng); sản phẩm OCOP 5 sao chỉ chiếm 0,26% tổng số sản phẩm OCOP toàn vùng. Giá bán sản phẩm trước và sau khi đăng ký tham gia OCOP cũng đã có sự khác biệt, song chưa nhiều, dẫn tới các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP chưa mặn mà tham gia OCOP tại khu vực này trong thời gian qua. Do vậy, để thúc đẩy phát triển sản phẩm OCOP của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc cần phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập cho các hộ này trong thời gian tới và giúp phát triển bền vững sản phẩm OCOP của địa phương.

2. Tổng quan lý thuyết

Thu nhập hộ là toàn bộ số tiền mà hộ nhận được sau khi trừ chi phí sản xuất trong một thời gian nhất định (thường là một năm). Thu nhập được hình thành từ 2 nguồn, nội sinh và ngoại sinh. Trong đó, nguồn nội sinh - nguồn do người lao động tạo ra từ tham gia vào thị trường lao động là nhân tố quyết định đến chất lượng cuộc sống của người lao động (Oluwasola, O. (2010); MariaLaura Di Domenico và Graham Miller, 2012). Tuy nhiên, Yu, J., & Zhu, G. (2013); Linda Yueh (2009); Mai Ngọc Anh và cộng sự (2013) lại cho rằng thu nhập không chỉ phụ thuộc vào năng lực của bản thân người lao động, giới tính, hoàn cảnh kinh tế của họ mà còn phụ thuộc vào thể chế chính sách tạo việc làm mà nhà nước cho họ.

Theo Yang (2004), Thabit Ahmed Hassan (2015); Yu & Zhu (2013); Nguyễn Quốc Nghị và cs (2011); Trần Đình Thao và cs (2022) đã tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân ở nhiều quốc gia, thu nhập của hộ nông dân bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm vốn, đất đai, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất kinh tế, số lượng lao động, khả năng đa dạng hóa thu nhập và cơ hội tiếp cận thị trường. Đồng quan điểm này, Bol Baulch và Vũ Hoàng Đạt (2012); Nem Nei Lhing, và cs (2013); Mesra B (2018) còn bổ sung thêm yếu tố về hình thức kinh doanh ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hộ.

Thomas R. (2001) cho rằng, thu nhập được thay đổi khi hộ thay đổi mô hình sản xuất kinh

doanh nhỏ lẻ, sang mô hình tập trung. Oluwasola, O. (2010); Nguyễn Quốc Nghị và cs (2011); Yang, D. (2004), cho rằng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, hỗ trợ vốn và các vấn đề an sinh xã hội... ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hộ. Ha Hong Nguyen và Trung Thanh Nguyen (2019); Trần Đình Thao và cs (2022) đã bổ sung thêm yếu tố áp dụng tiên bộ kỹ thuật, lĩnh vực sản xuất có ảnh hưởng đến thu nhập của hộ.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thu thập gồm thông tin thứ cấp và thông tin sơ cấp. Thông tin thứ cấp được thu thập thông qua các báo cáo chương trình OCOP quốc gia; Thông tin sơ cấp được thu thập thông qua kết quả khảo sát 600 hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại 6 tỉnh: Hòa Bình, Thái Nguyên, Cao Bằng, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc về tình hình sản xuất kinh doanh; các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ;....

3.2. Phương pháp phân tích thông tin

Mô hình hàm Cobb-Douglas được lựa chọn nhằm phân tích ảnh hưởng của các yếu tố định lượng tới thu nhập của các hộ sản xuất kinh doanh OCOP. Hàm sản xuất Cobb-Douglas mở rộng có dạng như sau:

$$\ln Y = \ln A + b_1 \ln X_1 + b_2 \ln X_2 + b_3 \ln X_3 + b_4 \ln X_4 + b_5 \ln X_5 + b_6 \ln X_6 + b_7 X_7 + b_8 X_8 + U_i$$

Trong đó:

Y: Thu nhập của hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP (triệu đồng)

X₁: Trình độ của chủ hộ (năm)

X₂: Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh sản phẩm (năm)

X₃: Vốn đầu tư của hộ cho sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP (triệu đồng)

X₄: Số lượng lao động của hộ (người)

X₅: Chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP (triệu đồng)

X₆: Thị trường tiêu thụ của sản phẩm OCOP (tự sản tự tiêu /xã /huyện /tỉnh /xuất khẩu)

X₇: Chính sách hỗ trợ (vốn, pháp lý, thị trường, bao bì...): Số tiền hỗ trợ (triệu đồng).

4. Kết quả và thảo luận

Kết quả khảo sát 600 hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP khu vực Trung du và miền núi

phía Bắc cho thấy: thu nhập của các hộ sau khi tham gia OCOP cao hơn 28,89% so với trước khi tham gia OCOP. Trong đó, chi phí của hộ tăng do đầu tư vào nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng bao bì mẫu mã sản phẩm tăng 11,02%; vốn đầu tư tăng thêm 7,92%, cụ thể kết quả thống kê mô tả các biến đưa vào mô hình nghiên cứu như sau:

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Tiêu chí	ĐVT	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Thu nhập	Triệu đồng	176,42	43,45
Trình độ	Năm	11,35	4,58
Số năm kinh nghiệm	Năm	15,64	7,65
Vốn đầu tư	Triệu đồng	120,24	38,7
Số lượng lao động	Người	5,3	3,25
Chi phí SXKD	Triệu đồng	38,81	16,63
Thị trường	Likert	3,68	1,06
Hỗ trợ	Triệu đồng	4,23	1,65

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát

Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy Cobb-Douglas

Kết quả kiểm định cho thấy, mô hình tác giả lựa chọn tương đối tốt khi không có khuyết tật về tự tương quan trong mô hình, và các biến độc lập giải thích được 48,9% biến phụ thuộc (R Square = 0,489) điều này có nghĩa là 48,9% sự biến đổi của lnY có thể được giải thích thông qua mô hình này. R-square điều chỉnh là 0.476, gần với R-square, cho thấy mô hình có độ chính xác và tính tổng quát tốt. Std. Error of the Estimate là 0.15491, phản ánh sự phân tán của các điểm dữ liệu xung quanh đường hồi quy. Giá trị kiểm định Durbin-Watson là 2.013, nằm trong khoảng từ 1.5 đến 2.5, cho thấy không có vấn đề tự tương quan đáng kể giữa các biến độc lập trong mô hình.

Bảng 2: Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.700 ^a	.489	.476	.15491	2.013

a. Predictors: (Constant), LnX3, LnX7, LnX5, LnX2, LnX1, LnX4, LnX6
b. Dependent Variable: LnY.

Ngoài ra, theo kết quả kiểm định khuyết tật trong bảng dưới đây cho thấy F-statistic = 36.969 với mức ý nghĩa p-value = 0 (cột Sig. = 0.000), từ đó khẳng định mô hình hồi quy là phù hợp và có ít nhất một biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến biến phụ thuộc. Kết quả thu được cụ thể như sau:

Bảng 3: Kết quả kiểm định một số khuyết tật của mô hình

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1 Regression	6.210	7	.887	36.969	.000 ^b
Residual	6.479	593	.024		
Total	12.689	600			

a. Dependent Variable: LnY

b. Predictors: (Constant), LnX3, LnX7, LnX5, LnX2, LnX1, LnX4, LnX6

Từ số liệu thu thập được, với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 25.0, thực hiện hồi quy các biến độc lập theo biến phụ thuộc, với giá trị của tất cả các VIF đều < 2 do đó trong mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Cụ thể, mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến thu nhập của các hộ sản xuất sản phẩm OCOP của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc như sau:

Bảng 4. Kết quả hồi quy mô hình

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	.071	.073		.994	.335
LnX1	.061	.027	.104	2.277	.024
LnX3	.138	.035	.212	3.980	.000
LnX5	.180	.060	.174	2.997	.003
LnX2	.070	.024	.133	2.940	.004
LnX7	.103	.052	.111	1.979	.049
LnX6	.329	.059	.304	5.538	.000
LnX4	.044	.018	.110	2.451	.015

Dựa theo kết quả phân tích ta có mô hình hồi quy như sau:

$$\ln TN = 0,071 + 0,061\ln X_1 + 0,070 \ln X_2 + 0,138\ln X_3 + 0,044\ln X_4 + 0,180\ln X_5 + 0,329 \ln X_6 + \beta_7 X_7 + 0,103 X_8$$

+ Biến Trình độ của chủ hộ (X1):

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định một mối quan hệ tích cực giữa trình độ học vấn của chủ hộ và thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp. Với hệ số hồi quy là 0,061 và mức độ ý nghĩa p-value ở mức 0.024, kết quả này không chỉ củng cố mà còn mở rộng quan điểm thông thường về tác động tích cực của giáo dục đến khả năng tăng thu nhập. Các nghiên cứu trước đây, bao gồm công trình của Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2011), cũng như Munir, K., & Kanwal, A. (2020) và Kan và cộng sự (2022), đã chỉ ra một xu hướng tương tự về mối quan hệ đồng biến giữa trình độ học vấn và thu nhập/thu nhập hộ gia đình.

+ Biến Kinh nghiệm của chủ hộ (X2):

Kinh nghiệm sản xuất kinh doanh của chủ hộ đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với thu nhập của hộ, đặc biệt là tại khu vực Trung du và miền núi

phía Bắc - một địa phương giàu bản sắc văn hóa và truyền thống. Kinh nghiệm, được biểu thị qua hệ số ảnh hưởng đáng kể là 0.070 và mức ý nghĩa p-value 0.004, cho thấy một mối liên hệ chặt chẽ và tích cực đến mức thu nhập của hộ. Điều này khẳng định rằng, nguồn lực tri thức và kỹ năng tích lũy là tài sản quý giá không kém cạnh vốn đầu tư hay cơ sở vật chất. Đối với những sản phẩm OCOP, sự đồng nhất về nguồn nguyên liệu đầu vào đặt ra nhu cầu cao đối với sự khéo léo và thông thái trong việc quản lý nguồn lực. Kinh nghiệm của chủ hộ sẽ hỗ trợ họ trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng, đồng thời biết cách bảo quản, chế biến, sản xuất sao cho sản phẩm cuối cùng có thể đáp ứng nhu cầu khắt khe của người tiêu dùng.

+ *Biến Vốn đầu tư (X3):*

Việc nắm bắt và tận dụng nguồn vốn đầu tư không chỉ giúp các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP mở rộng quy mô hoạt động, mà còn là yếu tố quyết định đến sự thành công và tăng trưởng thu nhập của họ. Theo nghiên cứu, vốn đầu tư có mối quan hệ thuận chiều và đáng kể đối với thu nhập của các hộ, với hệ số tác động là 0,138, ở mức ý nghĩa thống kê = 0.000. Nguồn vốn đầu tư không chỉ hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, công nghệ mới, nguyên vật liệu, hay chi trả chi phí nhân công, mà còn là đòn bẩy để các hộ mở rộng sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng. Như nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự đã chỉ ra, việc đầu tư vào nguồn vốn không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn là yếu tố cần thiết để áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và mở rộng quy mô kinh doanh. Đối với các sản phẩm OCOP khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, nơi mà lao động chân tay vẫn chiếm ưu thế, việc đầu tư vào nguồn vốn sẽ mở ra cơ hội để áp dụng các công nghệ mới, cải thiện quy trình sản xuất và tối ưu hóa giá trị sản phẩm, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế của khu vực và nâng cao đời sống cho người dân.

+ *Số lượng lao động trong hộ (X4):*

Kết quả của phân tích hồi quy đã làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP là mối quan hệ giữa số lượng lao động và thu nhập của hộ. Hệ số hồi quy 0,044, với mức ý nghĩa p-value = 0.015. Điều này phản ánh tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc tạo ra giá trị gia tăng, cho phép mỗi thành viên trong hộ đóng góp tối đa vào quá trình sản xuất và đổi mới, nâng cao chất lượng và sự độc đáo của sản phẩm.

+ *Biến Chi phí sản xuất (X5):*

Các kết quả hồi quy từ dữ liệu thu thập tại các tỉnh thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã tiết lộ một hiện tượng kinh tế học thú vị: mặc dù thông thường chúng ta kỳ vọng rằng tăng chi phí sản xuất sẽ giảm thu nhập của hộ, nhưng trong trường hợp này, chúng tôi lại thấy một mối quan hệ thuận chiều giữa chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP và thu nhập của hộ. Cụ thể là, với mỗi đơn vị chi phí sản xuất tăng thêm, thu nhập bình quân của các hộ sản xuất lại tăng thêm 0,180 đơn vị, với mức ý nghĩa p-value = 0,003. Điều này báo hiệu một cơ chế kinh tế đặc biệt mà trong đó, đầu tư cao hơn vào sản xuất không chỉ đơn thuần là chi phí mà còn là một đầu tư cho chất lượng và giá trị thương hiệu của sản phẩm.

+ *Biến Thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP (X6)*

Kết quả phân tích cho thấy, yếu tố thị trường ảnh hưởng lớn nhất đến thu nhập của các cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Cụ thể là, nếu thị trường tiêu thụ ngoài tỉnh, thu nhập bình quân của các hộ sản xuất lại tăng thêm 0,329 đơn vị, với mức ý nghĩa p-value = 0,000). Điều này báo hiệu một cơ chế kinh tế đặc biệt mà trong đó, đầu tư cao hơn vào sản xuất không chỉ đơn thuần là chi phí mà còn là một đầu tư cho chất lượng và giá trị thương hiệu của sản phẩm và thị trường đầu ra cho sản phẩm.

+ *Biến Chính sách hỗ trợ (X7):*

Kết quả phân tích hồi quy đã phản ánh ảnh hưởng tích cực của sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước cho phát triển sản phẩm OCOP tại các tỉnh khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đối với thu nhập của hộ. Hệ số hồi quy 0,103 với p-value 0.049 cho thấy rằng các chính sách và sự hỗ trợ có mục tiêu có khả năng cải thiện đáng kể thu nhập của những hộ này. Sự hỗ trợ từ phía nhà nước như vay ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn chiến lược kinh doanh, giúp các hộ sản xuất tối ưu hóa quy trình sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ... không chỉ nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm mà còn tạo điều kiện để hộ gia đình tiếp cận các nguồn lực quan trọng, từ đó tăng khả năng tạo ra thu nhập bền vững.

4. Kết luận và kiến nghị

Kết quả nghiên cứu này mở ra những hướng mới cho việc nghiên cứu về tác động của các yếu tố đến thu nhập hộ sản xuất kinh doanh sản

phẩm OCOP, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm để hỗ trợ cho việc phát triển chính sách và các chương trình hỗ trợ nâng cao thu nhập cho hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ, trong đó 48,9% là do các yếu tố: trình độ của chủ hộ; kinh nghiệm sản xuất kinh doanh sản phẩm; vốn đầu tư của hộ cho sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP; số lượng lao động của hộ; chi phí sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP; thị trường tiêu thụ của sản phẩm OCOP; chính sách hỗ trợ, còn lại 51,1% là do các yếu tố khác: thương hiệu, cơ sở hạ tầng, nhận thức về vai trò sản phẩm OCOP... Do vậy, cần để nâng cao thu nhập cho các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP tại khu vực Trung du và miền núi phía Bắc nói riêng, ở Việt Nam nói chung cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, xúc tiến mở rộng thị trường tiêu thụ của sản phẩm OCOP thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ, triển lãm và thúc đẩy xuất khẩu. Chủ động tham gia sản thương mại điện tử để mở rộng thị trường tiêu thụ, giảm phụ thuộc vào thị trường truyền thống. Đồng thời, xây dựng chuỗi cung ứng tạo mối liên kết chặt chẽ giữ hộ sản xuất và hệ thống phân phối sản phẩm.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ mới nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí nguyên liệu và nhân công cho sản xuất sản phẩm. Đồng thời, liên kết hợp tác sản xuất để hộ mua nguyên liệu với giá sỉ, giảm thiểu chi phí sản xuất.

Thứ ba, chủ động tiếp cận các nguồn tín dụng ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư tư nhân hoặc tổ chức đầu tư vào lĩnh vực OCOP, tạo nguồn lực tài chính để phát triển sản xuất.

Thứ tư, nâng cao chất lượng sản phẩm, thay đổi bao bì nhãn mác đáp ứng nhu cầu của khách hàng, chủ động tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm giúp hộ tăng khả năng đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất.

Thứ năm, chủ động học hỏi thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, cập nhật các thông tin về thị trường và về pháp luật liên quan, nhằm nâng cao năng lực cho các chủ hộ về quản trị, về marketing và các kỹ năng khác cho sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP.

Thứ sáu, ngoài việc đầu tư khoa học công nghệ cho sản xuất, hộ cần chủ động học hỏi và về

kỹ thuật sản xuất, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời, thu hút lao động có tay nghề, có kỹ năng chuyên môn tham gia sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP nhằm giúp cải thiện hiệu quả sản xuất và chất lượng cho sản phẩm.

Thứ bảy, bên cạnh các giải pháp trên các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP cần triển khai một số giải pháp khác: chủ động xây dựng thương hiệu cho sản phẩm OCOP thành thương hiệu mạnh, giúp nâng cao giá trị sản phẩm và lòng tin với người tiêu dùng; cải thiện cơ sở hạ tầng, bến bãi, kho lưu trữ sản phẩm; đồng thời, nâng cao nhận thức của người sản xuất về vai trò của sản phẩm OCOP và vai trò của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm OCOP.

Tài liệu tham khảo:

- Bol Baulch và Vũ Hoàng Đạt (2012) Demurger, S., Fournier, M., & Yang, W. (2010). Rural Households' Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China. *China Economic Review*, 457, 1-13. <https://doi.org/10.1016/j.chieco.2010.05.007>
- Ha Hong Nguyen & Trung Thanh Nguyen (2019), Factors Affecting the Income of Vietnamese Peasants: A Case in Tra Vinh Province, *Research in World Economy*, Vol. 10, No. 1; 2019
- Linda Yueh, 2009, Self-employment in urban China: Networking in a transition economy, *China Economic Review*, Volume 20, Issue 3.
- Mai Ngọc Anh và Phạm Minh Đức (2013), Thu nhập của nông hộ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa- Nhìn từ góc độ các yếu tố đầu vào của sản xuất, *tạp chí Kinh tế & Phát triển*.
- Maria Laura Di Domenico và Graham Miller, (2012), Farming and tourism enterprise: Experiential authenticity in the diversification of independent small-scale family farming, *Tourism Management*, <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0261517711000719>
- Mesra B (2018), Factors that influencing households income and its contribution on family income in hampanan perak subdistrict, deli serdang regency, north sumatera - Indonesia, *International Journal of Civil Engineering and Technology (IJCIET) Volume 9, Issue 10, October 2018*, pp. 461-469.
- Nem Nei Lhing, Teruaki Nanseki, and Shigeyoshi Takeuchi (2013), An analysis of factors influencing Household (2013), An Analysis of Factors Influencing Household Income: A Case Study of PACT Microfinance in Kyaukpadaung Township of Myanmar, *American Journal of Human Ecology Vol. 2, No. 2*, 2013.
- Nguyễn Quốc Nghi, (2010), Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của các dân tộc thiểu số: nghiên cứu trường hợp người Khmer ở Trà Vinh và người Chăm ở An Giang. *Tạp chí Khoa học số 19, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh*
- Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011), các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, *tạp chí Khoa học, trường ĐH Cần Thơ*, file:///C:/Users/quynh/Downloads/998-B%3%A0i%20b%3%A1o-2821-1-10-20210422.pdf
- Olunvasola, O. (2010). Stimulating rural employment and income for cassava processing farming households in Oyo State, Nigeria, *Journal of Development and Agricultural Economics*, 2(2), 018-025.
- Thabit Ahmed Hassan (2015), Economic Analysis of Factors Affecting the Farmer Income Under Traditional Farming System in South Darfur State - Sudan, *Journal of Agricultural Science and Engineering*; Vol. 1, No. 3, 2015, pp. 114-119 <http://www.aiscience.org/journal/jase>
- Thomas R. (2001) - Demurger, S., Fournier, M., & Yang, W. (2010). Rural Households' Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China. *China Economic Review*, 457, 1-13.
- Thủ Tướng Chính phủ (2018), Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018, Quyết định phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.
- Thủ Tướng Chính phủ (2023), Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm.
- Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, <https://quanly.moitruongvadothi.vn/52/26873/Thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-kinh-te--xa-hoi-vung-Trung-du-va-mien-nui-Bac-bo>.
- Tổng quan về vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, <https://infographics.vn/tong-quan-ve-vung-trung-du-va-mien-nui-bac-bo/104947.vna>
- Trần Đình Thao, Lê Thị Dung, Nguyễn Ngọc Mai, Nguyễn Ngọc Yến, Nguyễn Văn Chung, Nguyễn Thị Thanh Hoa (2022), các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình tại một số tỉnh Tây Bắc Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 305(2) tháng 11/2022.
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới quốc gia, Tổng hợp số liệu sản phẩm OCOP Việt Nam đến năm 2024.
- Vũ Quỳnh Nam (2022), Nâng cao nhận thức, tập huấn về bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ cho các chủ thể sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, mã số: SHTT.TW.09-2022.
- Yang, D. (2004). Education and Allocative Efficiency: Household Income Growth during Rural Reforms in China. *Journal of Development Economics*, 74, 137-162. <https://doi.org/10.1016/j.jdeveco.2003.12.007>
- Yu, J., & Zhu, G. (2013). How Uncertain Is Household Income in China. *Economics Letters*, 120, 74-78. <https://doi.org/10.1016/j.econlet.2013.03.011>